

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH HÓA  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2022/DS-ST

Ngày: 10 - 11 - 2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài  
sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÓA, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thúy Lành.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Bé
2. Ông Huỳnh Anh Huy

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

Trong ngày 10 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 137/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị T, sinh năm 1975; Địa chỉ: Ấp Nước Trong, xã Thủy Đông, huyện Thanh Hóa, Long An. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Lê Thị P, sinh năm 1968; địa chỉ: Ấp Đông Hòa, xã Thủy Đông, huyện Thanh Hóa, Long An. (có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị T trình bày:* Bà Lê Thị P vay tiền của bà Thường nhiều lần, cụ thể như sau: Lần thứ nhất vay số tiền 15.000.000 đồng vào ngày 16/11/2021; Lần hai vay 20.000.000 đồng vào ngày 19/11/2021; Lần thứ 3 vay 30.000.000 đồng vào ngày 28/12/2021. Khi vay có thỏa thuận trả góp hàng ngày bao gồm cả gốc và lãi nhưng không ghi trong biên nhận nợ. Sau khi vay, bà Phấn đã trả được nhiều lần theo phương thức góp hàng ngày được số tiền 15.600.000 đồng (mười lăm triệu sáu trăm nghìn đồng). Tại đơn khởi kiện, bà Thường yêu cầu bà Phấn và chồng là ông Lê Văn Việt liên đới trả số tiền còn thiếu 49.400.000 đồng và tính lãi 0,83% kê từ ngày vay cuối

cùng là ngày 28/12/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Thường rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Việt, chỉ yêu cầu bà Phấn trả nợ.

*Bị đơn bà Lê Thị P trình bày tại Biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 13/10/2022:* Bà Phấn thừa nhận có vay tiền bà Thường số tiền như bà Thường trình bày nhưng không nhớ chính xác thời gian vay. Khi vay chỉ thỏa thuận số tiền góp hàng ngày đến khi trả hết nợ mà không thỏa thuận cụ thể lãi suất. Đối với số nợ 20.000.000 đồng và 15.000.000 đồng, bà Phấn đã trả hết. Đối với số nợ 30.000.000 đồng, bà Phấn đã trả được 7.200.000 đồng. Bà Phấn chỉ đồng ý trả 22.800.000 đồng, không đồng ý trả lãi. Tại phiên tòa, bà Phấn thay đổi lời khai, bà Phấn cho rằng số tiền vay 30.000.000 đồng đã trả hết. Đối với biên nhận 20.000.000 đồng và 15.000.000 đồng đã trả được 7.200.000 đồng, tính đến tháng 5/2022. Nay đồng ý trả 35.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định từ tháng 5/2022 đến nay. Đối với số tiền đã trả 7.200.000 đồng, đồng ý tính vào lãi trả cho bà Thường không yêu cầu tính lại.

Bà Phấn đồng ý với yêu cầu của bà Thường về việc không yêu cầu ông Việt trả nợ vì đây là nợ riêng của bà Phấn, ông Việt không biết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bà Lê Thị P có địa chỉ tại huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa.

[2] Tại đơn khởi kiện, bà Thường yêu cầu bà Lê Thị P và chồng là ông Lê Văn Việt trả nợ. Trong quá trình giải quyết, bà Thường rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Việt. Việc rút đơn của bà Thường không trái với quy định của pháp luật. Do đó, Tòa án không đưa ông Lê Văn Việt tham gia tố tụng trong vụ án này là phù hợp quy định pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện bà Lê Thị P yêu cầu trả số tiền 49.400.000 đồng. Chứng cứ bà Phấn cung cấp là 03 giấy biên nhận nợ với tổng số tiền nợ 65.000.000 đồng. Bà Thường cho rằng bà Phấn đã trả góp được số tiền 15.600.000 đồng nên yêu cầu trả số nợ còn thiếu 49.400.000 đồng. Bà Phấn chỉ đồng ý trả cho bà Thường 35.000.000 đồng vì cho rằng đã trả được 30.000.000 đồng tiền gốc và 7.200.000 đồng tiền lãi. Tuy nhiên, lời khai của bà Phấn trong quá trình giải quyết vụ án không thống nhất, không được bà Thường thừa nhận. Bà Phấn không có chứng cứ chứng minh đã trả cho bà Thường 30.000.000 đồng như bà trình bày. Do đó, yêu cầu của bà Thường buộc bà Phấn trả 49.400.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về yêu cầu tính lãi: Bà Nguyễn Thị T yêu cầu bà Phấn trả lãi với mức lãi 0,83% kể từ ngày vay cuối cùng là ngày 28/12/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm

(làm tròn tháng là 10 tháng). Xét thấy, các bên thừa nhận khi cho vay có tính lãi trong số tiền phải trả. Tuy nhiên các bên không thống nhất được số lãi đã thỏa thuận vì lãi được trả góp cùng gốc hàng ngày. Mặt khác, số tiền trả góp bà Phấn đã trả được bà Thường trừ vào nợ gốc nên cần xác định, bà Phấn chưa trả lãi cho bà Thường. Do đó yêu cầu tính lãi của bà Thường phù hợp với quy định của pháp luật, có cơ sở chấp nhận.

$49.400.000 \text{ đồng} \times 10 \text{ tháng} \times 0,83\% = 4.100.200 \text{ đồng}.$

Như vậy, cả gốc và lãi bà Phấn phải trả cho bà Thường là 53.500.200 đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Thường được chấp nhận toàn bộ nên bà Thường không phải nộp án phí. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Thường. Bà Lê Thị P phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 26, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Lê Thị P có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 53.500.200 đồng (Năm mươi ba triệu năm trăm nghìn hai trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Bà Lê Thị P phải chịu 2.675.000 đồng (Hai triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Bà Nguyễn Thị T không phải nộp án phí. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T 1.235.000 đồng (Một triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí DSST theo lai thu số 0011091 ngày 06/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hóa.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thạnh Hóa;
- CC THADS huyện Thạnh Hóa;
- Lưu hồ sơ; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Thúy Lành**

